

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21/02/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa
chị H với anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Cường
2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 369/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 2002; có mặt
Địa chỉ: Thôn Đ 2, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; có mặt
Địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T năm 2022. Trước khi kết hôn, chị và anh T có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Lục Nam. Sau khi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, chị về chung sống cùng với anh T ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2024 thì nảy sinh mâu thuẫn. Chị và anh T thường xuyên xảy ra cãi nhau.

Nguyên nhân do chị và anh T ngày càng không có tiếng nói chung, anh T thiếu tôn trọng gia đình bên vợ, nhất là những lúc anh T đi uống rượu về. Do không giải quyết được vấn đề mâu thuẫn giữa hai vợ chồng nên tháng 09/2024 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị sinh sống. Từ đó chị và anh T sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T sinh được con chung là Nguyễn Thu M, sinh ngày 14/03/2023, đang ở với anh T. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm công nhân may, thu nhập 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn như chị Lê Thị Thu H đã trình bày. Sau đám cưới vợ chồng có xảy ra cãi nhau nhưng đều là mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức vợ chồng phải ly hôn. Ngày 15/08/2024, không biết lý do vì sao, chị H lại bế con về nhà mẹ đẻ ở và nhắn tin qua điện thoại cho anh nói là không muốn sống cùng anh nữa. Ngay sau đó, anh đã lên nhà mẹ vợ đón 02 mẹ con chị H về đoàn tụ, nhưng chị H nhất quyết không về, nên anh chỉ đón được con gái anh về cùng. Anh và chị H sống ly thân từ đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H vẫn còn, chị H xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị Thu H sinh được con chung là Nguyễn Thu M, sinh ngày 14/03/2023, đang ở với anh. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con. Anh đang làm công nhân may tại huyện Lục Nam, sáng đi tối về nhà, thu nhập 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T. Về con chung, giao chị Lê Thị Thu H nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản, không đặt ra xem xét. Chị Lê Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và con chung giữa chị với anh Nguyễn Văn T. Đây là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu H kết hôn với anh Nguyễn Văn T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Lục Nam ngày 27/07/2022, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị H và anh T sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh T không đồng ý ly hôn; tại phiên tòa, anh T và chị H đều đồng ý được ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T.

[3]. Về con chung: Chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T sinh được con chung là Nguyễn Thu M, sinh ngày 14/03/2023, đang ở với anh T. Ly hôn, chị H và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét cả chị H và anh T đều có điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên cháu M hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Nguyễn Thu M cho chị Lê Thị Thu H nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004394 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 12/11/2024.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân

sự. Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Lê Thị Thu H nuôi con là Nguyễn Thu M, sinh ngày 14/03/2023. Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. *Về án phí*: Chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004394 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 12/11/2024.

4. *Về kháng cáo*: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã C;
- Lưu hồ sơ, v/p.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân